

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *4760* /QĐ-UBND

Long Biên, ngày *19* tháng *8* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế viên chức, lao động hợp đồng định mức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2021 cho các trường THCS, PTCS, Tiểu học, Mầm non trực thuộc UBND quận Long Biên.

(Có bảng phân bổ chỉ tiêu kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND quận Long Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo quận, Hiệu trưởng các trường THCS, PTCS, Tiểu học, Mầm non thuộc quận Long Biên và các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *tt*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, NV. (06) *✓*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hà



ĐIỀU CHỈNH GIAO BIÊN CHẾ KHỐI MÀM NON NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 19 / 8 /2021 của UBND quận Long Biên)

TT	Tên trường	Số lớp		Số học sinh		Tổng biên chế giao	Số giao biên chế						LDHĐ định mức	LDHĐ 68
							Viên chức							
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo		Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên	Nhân viên hành chính	Nhân viên nuôi dưỡng	Nhân viên bảo vệ		
I Các trường chưa tự chủ														
1	Ánh Sao	3	13	105	452	57	42	3	36	3			12	3
2	Bắc Biên	2	10	85	350	44	33	3	28	2			9	2
3	Bắc Cầu	2	7	70	250	34	25	3	20	2			7	2
4	Bồ Đề	4	10	115	361	50	37	3	32	2			11	2
5	Chim Én	2	14	85	695	61	42	3	37	2			16	3
6	Cự Khối	2	10	50	310	43	33	3	27	3			8	2
7	Đức Giang	3	14	78	414	60	45	3	38	3		1	12	3
8	Gia Quất	2	10	84	414	45	32	3	27	2			11	2
9	Gia Thượng	2	15	70	555	60	44	3	38	3			14	2
10	Gia Thụy	2	14	105	520	60	44	3	38	3			13	3
11	Giang Biên	4	13	137	420	61	45	3	39	3			13	3
12	Hoa Anh Đào	3	11	75	335	49	38	3	32	3			9	2
13	Hoa Hướng Dương	2	9	50	335	40	30	3	25	2			8	2
14	Hoa Mai	2	12	50	440	50	37	3	31	3			10	3
15	Hoa Phượng	2	8	50	220	36	28	3	23	2			6	2
16	Hoa Sen	2	12	55	425	49	37	3	31	3			10	2
17	Hoa Sứ	2	18	70	730	76	55	3	48	3	1		18	3
18	Hoa Thủy Tiên	4	16	100	574	68	50	3	45	2			15	3

TT	Tên trường	Số lớp				Số học sinh				Tổng biên chế giao	Số giao biên chế								LDHD định mức	LDHD 68
											Viên chức									
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên	Nhân viên hành chính		Nhân viên nuôi dưỡng	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên nuôi dưỡng	Nhân viên bảo vệ						
19	Hồng Tiến	3	14	92	612	62	44	3	38	3					16	2				
20	Long Biên	3	13	75	442	55	41	3	36	2					11	3				
21	Long Biên A	2	9	59	315	40	30	3	25	2					8	2				
22	Ngọc Thụy	4	13	160	470	64	47	3	41	3					15	2				
23	Phúc Đồng	2	16	73	544	61	45	3	40	2					14	2				
24	Phúc Lợi	3	9	96	384	46	33	3	27	3					10	3				
25	Sơn Ca	2	12	105	461	51	36	3	28	3	2				12	3				
26	Tân Mai	2	7	80	254	35	26	3	20	3					7	2				
27	Thạch Bàn	3	14	75	484	59	43	3	38	2					13	3				
28	Thạch Cầu	2	9	69	327	41	30	3	25	2					9	2				
29	Thượng Thanh	2	10	65	385	46	33	3	27	3					10	3				
30	Tràng An	4	14	138	498	63	46	3	41	2					15	2				
31	Tuổi Hoa	3	15	113	442	59	43	3	37	3					13	3				
32	Việt Hưng	2	12	50	400	48	36	3	31	2					9	3				
	Tổng I	82	383	2684	13818	1673	1230	96	1049	81	3	1			364	79				
II	Các trường tự chủ																			
1	ĐT Sài Đồng	4	9	74	202	60	36	3	30	3					11	13				
2	ĐT Việt Hưng	3	13	84	266	54	42	3	36	3					9	3				
	Tổng II	7	22	158	468	114	78	6	66	6	0	0			20	16				
	Tổng I+II	89	405	2842	14286	1787	1308	102	1115	87	3	1			384	95				

ĐIỀU CHỈNH GIAO BIÊN CHẾ KHỐI TIỂU HỌC NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 4760 /QĐ-UBND ngày 19 / 8 /2021 của UBND quận Long Biên)

TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2021- 2022	Tổng số học sinh năm học 2021- 2022	Tổng biên chế giao	Số giao biên chế								LĐHD 68	
					Viên chức									
					Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên văn hóa	Giáo viên năng khiếu	Giáo viên tin học	Giáo viên ngoại ngữ	Tổng phụ trách	Nhân viên hành chính	Bảo vệ	
I	Các trường chưa tự chủ													
1	Ái Mộ A	22	982	36	33	2	22	3	1	1	1	1	3	3
2	Ái Mộ B	31	1430	51	48	3	30	7	1	1	1	1	5	3
3	Bồ Đề	30	1250	39	36	3	22	4	1	1	1	1	4	3
4	Cự Khối	26	1055	39	35	2	23	5	1	1			3	4
5	Đoàn Kết	32	1390	43	40	3	26	4	1	1	1	1	4	3
6	Đoàn Khuê	21	751	31	28	2	18	3	1	1			3	3
7	ĐT Việt Hưng	32	1363	48	45	3	28	6	2	1	1	1	4	3
8	Đức Giang	30	1191	44	41	3	26	6	1	1			4	3
9	Gia Quất	23	875	29	26	2	16	3	1	1			3	3
10	Gia Thượng	26	1070	39	36	2	26	3	1	1			3	3
11	Gia Thụy	46	2175	72	69	3	48	10	1	1	1	1	5	3
12	Giang Biên	24	1050	30	27	2	17	3	1	1			3	3
13	Lê Quý Đôn	26	883	33	30	2	20	3	1	1			3	3
14	Long Biên	36	1700	50	47	3	31	6	1	1	1	1	4	3
15	Lý Thường Kiệt	20	805	29	26	2	16	3	1	1			3	3
16	Ngô Gia Tự	30	1256	49	46	3	29	7	1	1	1	1	4	3
17	Ngọc Lâm	35	1500	57	54	3	36	7	1	1	1	1	5	3

Số giao biên chế														
TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2021-2022	Tổng số học sinh năm học 2021-2022	Tổng biên chế giao	Viên chức								LBHD 68	Bảo vệ
					Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên văn hóa	Giáo viên năng khiếu	Giáo viên tin học	Giáo viên ngoại ngữ	Tổng phụ trách	Nhân viên hành chính		
18	Ngọc Thụy	39	1755	59	56	3	38	7	1	1	1	1	5	3
19	Phúc Đồng	28	1281	39	36	3	22	4	1	1	1	1	4	3
20	Phúc Lợi	29	1082	40	37	3	23	4	1	1	1	1	4	3
21	Sài Đồng	34	1550	53	50	3	32	7	1	1	1	1	5	3
22	Thạch Bàn A	25	997	33	29	2	19	3	1	1			3	4
23	Thạch Bàn B	28	1138	39	36	3	21	5	1	1	1	1	4	3
24	Thanh An	27	1025	38	34	2	22	4	1	1	1	1	3	4
25	Thượng Thanh	31	1235	49	46	3	29	6	1	1	1	1	5	3
26	Việt Hưng	29	1166	40	37	3	22	5	1	1	1	1	4	3
27	Vũ Xuân Thiều	31	1250	43	40	3	26	4	1	1	1	1	4	3
	Tổng I	791	33205	1152	1068	71	688	132	28	27	18	104	84	
II Các trường tự chủ														
1	ĐT Sài Đồng	27	710	38	35	3	22	4	1	1	1	1	3	3
	Tổng II	27	710	38	35	3	22	4	1	1	1	1	3	3
III Trường dành cho người khuyết tật														
1	PTCS Hy Vọng	7	65	31	27	2	17	3	1	0	1	1	3	4
	Tổng III	7	65	31	27	2	17	3	1	0	1	1	3	4
	Tổng I + II + III	825	33980	1221	1130	76	727	139	30	28	20	110	91	

ĐIỀU CHỈNH GIAO BIÊN CHẾ KHỐI THCS NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 19 / 8 /2021 của UBND quận Long Biên)

TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2021- 2022	Tổng số học sinh năm học 2021-2022	Tổng biên chế giao	Số giao biên chế								
					Viên chức							Nhân viên hành	LDHĐ 68
					Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên văn hóa	Giáo viên năng khiếu	Giáo viên tin	Tổng phụ trách			
1	Ái Mộ	36	1725	67	64	3	47	8	1		5	3	
2	Bồ Đề	19	759	31	28	2	16	3	1	1	5	3	
3	Chu Văn An	18	612	29	26	3	14	3	1	1	4	3	
4	Cự Khối	17	679	33	31	2	18	4	1	1	5	2	
5	ĐT Việt Hưng	23	936	45	42	2	28	5	1	1	5	3	
6	Đức Giang	19	742	42	40	2	28	4	1		5	2	
7	Gia Thụy	36	1840	70	67	3	50	7	1	1	5	3	
8	Giang Biên	16	604	35	32	2	21	3	1		5	3	
9	Lê Quý Đôn	9	318	22	19	2	10	3	1		3	3	
10	Long Biên	26	1105	53	50	2	37	5	1	1	4	3	
11	Lý Thường Kiệt	23	987	43	40	2	30	4	1		3	3	
12	Ngô Gia Tự	20	790	44	41	2	29	3	1	1	5	3	
13	Ngọc Lâm	26	1329	56	53	3	38	7	1		4	3	
14	Ngọc Thụy	26	1047	45	42	2	30	4	1		5	3	
15	Nguyễn Bình Khiêm	12	545	29	27	2	17	3	1	1	3	2	
16	Phúc Đồng	14	568	28	25	2	15	3	1		4	3	
17	Phục Lợi	17	705	34	31	2	19	3	1	1	5	3	
18	Sài Đồng	37	1515	63	60	3	44	6	1	1	5	3	



TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2021- 2022	Tổng số học sinh năm học 2021-2022	Tổng biên chế giao	Số giao biên chế							
					Viên chức							LDHD 68
					Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên văn hóa	Giáo viên năng khiếu	Giáo viên tin	Tổng phụ trách	Nhân viên hành	Nhân viên bảo vệ
19	Thạch Bàn	36	1621	66	62	3	47	6	1		5	4
20	Thanh Am	23	930	37	34	2	25	3	1		3	3
21	Thượng Thanh	28	1266	54	51	3	35	6	1	1	5	3
22	Việt Hưng	21	905	44	41	2	27	5	1	1	5	3
	Tổng	502	21528	970	906	51	625	98	22	12	98	64